

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Mẹ - Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 5239/QĐ/TCCB-LB ngày 23 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 3096/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Theo Quyết định số 1763/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký kinh Công ty TNHH Một thành viên lần đầu số 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - Công ty TNHH MTV đã chuyển đổi thành Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/5/2014.

Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM MOTORS INDUSTRY CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là VINAMOTOR.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP là: 876.028.230.000 đồng, được chia thành 87.602.823 Cổ phần, mệnh giá mỗi Cổ phần là: 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 120 phố Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hải Trung	Chủ tịch
	Ông Hoàng Anh Tuấn	Ủy viên
	Ông Triệu Tuyên	Ủy viên
	Ông Nguyễn Lương Ngọc	Ủy viên
	Ông Trần Hữu Hưng	Ủy viên
	Ông Đặng Hải Châu	Ủy viên
	Bà Bùi Thị Thủy	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Triệu Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Lương Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hữu Hưng	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Số. 462/2015/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP, được lập ngày 08 tháng 6 năm 2015, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được các Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty liên kết Việt Nam Motor Cần Thơ. Do đó, chúng tôi không có đầy đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đánh giá về khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.

Đối với Báo cáo tài chính của một số Công ty con đã được kiểm toán, số liệu hợp nhất căn cứ vào Báo cáo tài chính của các Công ty con. Các ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của các Công ty con không được tập hợp ở đây nhưng cần được đọc đồng thời với Báo cáo kiểm toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty con - Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô Trường Sơn chưa được kiểm toán với tổng tài sản và tổng nguồn vốn là 17.997.872.674 đồng, tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lỗ 4.264.183.592 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Man

Đình Văn Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Lê Thị Thanh Vân

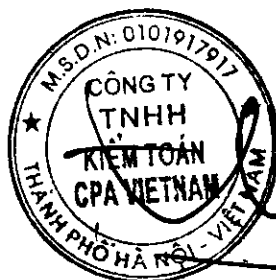
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2723-2014-075-1

CHỨNG THỰC

SAO Y VĂN BẢN CHÍNH

Ngày 09 tháng 11 năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Huy Thắng

TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01- DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		931.199.218.622	1.151.224.763.145
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		116.709.491.764	59.533.778.930
1. Tiền	111	5.1	65.393.991.764	52.237.062.103
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	51.315.500.000	7.296.716.827
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.044.043.227	83.837.030.444
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.044.043.227	83.838.680.444
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.650.000)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372.717.794.243	316.023.831.249
1. Phải thu khách hàng	131		230.770.640.538	265.453.312.912
2. Trả trước cho người bán	132		77.158.584.860	23.189.436.062
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	440.610.496
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	77.221.496.580	49.648.967.458
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.432.927.735)	(22.708.495.679)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	439.997.097.891	640.529.675.371
1. Hàng tồn kho	141		443.307.332.053	643.987.407.146
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.310.234.162)	(3.457.731.775)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		42.730.791.497	51.300.447.151
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.068.142.300	3.697.411.326
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.123.256.114	11.961.472.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	3.236.502.458	1.875.175.634
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	21.302.890.625	33.766.387.445
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		873.262.919.453	1.044.466.454.819
I Các khoản phải thu dài hạn	210		58.923.538	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		58.923.538	-
II Tài sản cố định	220		444.961.970.100	612.944.439.888
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	352.596.461.946	474.134.316.681
- Nguyên giá	222		719.150.964.703	921.743.237.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(366.554.502.757)	(447.608.920.729)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	45.379.794.797	76.330.836.480
- Nguyên giá	228		59.098.511.198	96.565.358.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.718.716.401)	(20.234.522.206)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	46.985.713.357	62.479.286.727
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	417.144.080.216	361.227.252.005
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		363.006.056.064	307.569.281.834
3. Đầu tư dài hạn khác	258		54.138.024.152	53.657.970.171
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.097.945.599	16.539.781.344
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	9.925.945.599	16.327.081.344
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.172.000.000	212.700.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	53.754.981.582
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.854.462.138.075	2.195.691.217.964

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		768.433.528.092	1.205.340.899.188
I- Nợ ngắn hạn	310		644.068.470.545	1.026.642.559.862
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	244.483.191.691	532.861.258.417
2. Phải trả người bán	312		153.722.037.181	121.564.273.260
3. Người mua trả tiền trước	313		81.071.294.824	62.458.966.917
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	28.101.011.995	107.405.069.064
5. Phải trả người lao động	315		21.026.263.212	25.994.705.652
6. Chi phí phải trả	316	5.13	14.211.602.163	79.336.918.370
7. Phải trả nội bộ	317		-	6.618.440.167
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		(1.716.241.745)	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	94.266.118.067	86.843.871.674
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		174.147.241	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		8.729.045.916	3.559.056.341
II- Nợ dài hạn	330		124.365.057.547	178.698.339.326
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	500.000.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		1.554.091.890	2.072.122.520
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	109.469.964.661	118.026.534.528
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	7.580.785.648	54.635.960.509
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.760.215.348	3.463.721.769
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.011.271.682.675	921.185.383.353
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.011.271.682.675	921.185.383.353
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		876.028.230.000	716.229.840.869
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		-	198.921.479.506
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.520.028.015	13.971.167.135
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.200.444.701	4.838.316.175
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.428.153.416	2.428.153.416
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		115.094.826.543	(15.539.279.400)
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		-	335.705.652
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		74.756.927.308	69.164.935.423
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		1.854.462.138.075	2.195.691.217.964

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Người lập



Nguyễn Liên Hoa

Kế toán trưởng



Trần Hữu Hưng

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	1.709.905.250.089	1.293.160.870.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	8.700.705.561	14.183.571.254
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	1.701.204.544.528	1.278.977.299.741
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	1.527.832.312.210	1.129.903.825.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		173.372.232.318	149.073.474.661
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	124.842.571.946	136.979.125.282
7. Chi phí tài chính	22	5.22	106.765.409.943	132.240.833.943
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.798.283.875	85.313.079.973
8. Chi phí bán hàng	24		17.937.899.255	39.326.964.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		116.309.335.857	159.581.534.495
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		57.202.159.209	(45.096.732.695)
11. Thu nhập khác	31	5.23	35.603.963.937	54.349.144.047
12. Chi phí khác	32	5.24	12.338.510.795	32.013.614.945
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		23.265.453.142	22.335.529.102
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		91.727.805.817	13.896.714.066
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		172.195.418.168	(8.864.489.527)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	6.915.656.255	6.172.151.684
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		165.279.761.913	(15.036.641.211)
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		9.863.337.681	8.227.011.924
20. Lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty Mẹ	62		155.416.424.232	(23.263.653.135)

Hà Nội, ngày ngày 08 tháng 6 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Liên Hoa

Trần Hữu Hưng

Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MCS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	172.195.418.168	(8.864.489.527)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	38.478.902.628	44.580.756.838
- Các khoản dự phòng	03	(29.144.670.154)	(47.555.410.303)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(15.687.846)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(151.906.929.351)	(125.708.422.377)
- Chi phí lãi vay	06	17.972.591.548	85.313.079.973
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	47.579.624.993	(52.234.485.396)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(38.536.931.960)	15.350.529.410
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	200.680.075.093	(1.873.447.826)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(93.293.718.350)	(19.692.558.248)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.030.404.771	(14.801.490.067)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(17.814.067.775)	(44.075.588.465)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.591.060.482)	(5.442.347.718)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	273.969.669	6.368.342.997
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.625.930.105)	(2.024.649.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.702.365.854	(118.425.695.299)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(25.310.697.643)	(6.001.356.186)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	4.653.727.272	21.248.797.617
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(148.118.835.660)	(410.406.180.555)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	232.904.672.730	417.682.111.111
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(38.111.751.628)	(4.043.271.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	125.123.758.893	72.092.436.250
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134.215.314.603	73.817.470.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	285.356.188.567	164.390.007.793
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	18.550.400.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	650.381.968.016	606.342.477.584
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(985.815.209.603)	(675.966.870.953)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(316.882.841.587)	(69.624.393.369)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	57.175.712.834	(23.660.080.875)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	59.533.778.930	83.193.859.805
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	116.709.491.764	59.533.778.930

Người lập


Nguyễn Liên Hoa

Kế toán trưởng


Trần Hữu Hưng

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 5239/QĐ/TCCB-LB ngày 23 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 3096/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Theo Quyết định số 1763/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký kinh Công ty TNHH Một thành viên lần đầu số 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP đã chuyển đổi thành Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/05/2014.

Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM MOTORS INDUSTRY CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là VINAMOTOR.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP là: 876.028.230.000 đồng, được chia thành 87.602.823 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng. Sở hữu vốn:

	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của Nhà nước	85.581.223	855.812.230.000	97,7%
Vốn góp của đối tượng khác	2.021.600	20.216.000.000	2,3%
Tổng	87.602.823	876.028.230.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 120 phố Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác than, dầu thô, khí đốt, quặng kim loại, đá, cát, sỏi,...;
- Sản xuất sản phẩm lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su, các sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất cấu kiện kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy và máy móc, thiết bị khác;
- Gia công cơ khí;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà, công trình các loại;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô, xe máy, xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa mô tô, xe máy;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Cho thuê xe, tài sản;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu môi giới lao động, việc làm;
- Đại lý du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Sản xuất xe có động cơ, ô tô, máy móc, thiết bị khác, gia công cơ khí.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty Mẹ:

- Văn phòng Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP;
- Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP - Nhà máy Sản xuất Ô tô Đồng Vàng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP - Nhà máy Cơ khí Công trình;
- Trường Trung cấp nghề Ô tô;
- Chi nhánh Xuất khẩu lao động Vinamotor;
- Khách sạn Vinamotor.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Tại ngày 31/12/2014, các công ty con sau đây được hợp nhất :

1- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Thống Nhất Thừa Thiên Huế
Địa chỉ	:	Thừa Thiên Huế
Hoạt động chính	:	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và trung đại tu các loại xe
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 :		5.100.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ	:	51,84%
Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ	:	51,84%

2- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô Trường Sơn
Địa chỉ	:	Nghệ An
Hoạt động chính	:	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và trung đại tu các loại xe
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 :		22.770.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ	:	66,63%
Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ	:	66,63%

3- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Nghệ An
Địa chỉ	:	Nghệ An
Hoạt động chính	:	Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, thiết bị, phương tiện vận tải
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 :		4.862.340.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ	:	51%
Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ	:	51%

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

4- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô Hòa Bình
 Địa chỉ : Hà Nội
 Hoạt động chính : Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và trung đại tu các loại xe
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 7.996.800.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 67,7%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 67,7%

5- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 2
 Địa chỉ : Hà Nội
 Hoạt động chính : Vận tải; Sản xuất các loại xe vận tải
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 18.384.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 73,54%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 73,54%

6- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 6
 Địa chỉ : Đà Nẵng
 Hoạt động chính : Vận tải; Sản xuất các loại xe vận tải
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 9.082.638.680 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 55,37%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 55,37%

7- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 10
 Địa chỉ : Thái Nguyên
 Hoạt động chính : Vận tải; Sản xuất các loại xe vận tải
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 2.968.350.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 70%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 70%

8- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Vinamotor
 Địa chỉ : Hà Nội
 Hoạt động chính : Vận tải, kinh doanh thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 27.391.810.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 86,79%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 86,79%

9- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí ô tô 3/2
 Địa chỉ : Hà Nội
 Hoạt động chính : Sản xuất các loại xe khách, xe buýt, xe tải, sản xuất phụ tùng
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 35.549.080.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 56,65%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 56,65%

10- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình
 Địa chỉ : Hà Nội
 Hoạt động chính : Mua bán thiết bị, xây dựng công trình
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 2.254.580.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 51,24%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 51,24%

11- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí Ngô Gia Tự
 Địa chỉ : Hà Nội
 Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh phụ tùng thiết bị, phương tiện GTVT
 Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại 31/12/2014 : 98.123.000.000 đồng
 Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ : 91,88%
 Quyết biểu quyết của Công ty Mẹ : 91,88%

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị; chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của các ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào bình quân của ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính dài hạn

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập Báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất được phản ánh theo giá gốc.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	8.982.245.265	6.003.496.892
Tiền gửi ngân hàng	56.411.746.499	46.233.565.211
Các khoản tương đương tiền	51.315.500.000	7.296.716.827
Tổng	116.709.491.764	59.533.778.930

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1 Tiền gửi có kỳ hạn		9.044.000.000		65.355.069.444
2 Cổ phiếu	20	43.227	12.210	582.700.000
- Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều (DTC)	20	43.227	3.260	110.300.000
- Công ty CP Viglacera Từ Sơn (VTS)	-	-	1.550	74.400.000
- Công ty CP Viglacera Bá Hiến (BHV)	-	-	5.500	314.200.000
- Công ty CP Viglacera Hạ Long I (HLI)	-	-	1.900	83.800.000
3 Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	17.900.911.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-	(1.650.000)
Tổng		9.044.043.227		83.837.030.444

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.3 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu về cổ phần hóa	3.242.725.709	1.770.032.604
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	21.880.422.394	-
Phải thu khác	52.098.348.477	47.878.934.854
- Công ty CP Cơ khí và XD Công trình	2.599.246.575	-
- Công ty CP CK Ô tô và TB điện Đà Nẵng - cho vay	2.300.000.000	2.821.733.871
- Công ty CP Ô tô Trường Sơn - cho vay	6.507.598.925	5.608.397.312
- Phải thu tiền cổ tức	-	5.737.337.129
- Dự án tại Việt Yên, Bắc Giang	978.173.348	-
- Phải thu tiền của lao động thuyền viên	1.542.332.376	-
- Phải thu các đội đã dừng hoạt động tại Công ty CP Vận tải số 6	5.888.608.189	5.984.036.404
- Phải thu tiền đặt cọc cho đối tác tại Công ty CP Vận tải số 6	3.158.100.000	3.158.100.000
- Phải thu do chi phí Dự án, khoản chi phí chưa quyết toán tại Công ty CP Vận tải số 6	6.599.340.181	6.573.729.982
- Phải thu khác Bùi Mạnh Hùng (Cựu GD Công ty CP Vận tải số 6)	2.231.363.996	-
- Cổ tức Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô số 2 Lạng Sơn	304.680.000	-
- Công ty Liên doanh Vận tải Hàng hóa Việt Nhật số 2	2.600.000.000	-
- Dự thu lãi liên doanh với Logitem Corporation - Cty CP Đầu tư Vinamotor	3.499.999.999	-
- Phải thu các xí nghiệp tại Công ty CP Cơ khí và XD công trình	9.467.109.616	-
- Phải thu khác	4.421.795.272	17.995.600.156
Tổng	77.221.496.580	49.648.967.458

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Hàng mua đang đi trên đường	202.013.625	-
Nguyên liệu, vật liệu	117.120.734.281	107.419.383.036
Công cụ, dụng cụ	1.065.050.667	1.139.643.280
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	171.621.188.302	407.750.405.784
Thành phẩm	64.095.287.743	35.536.369.571
Hàng hoá	85.442.710.953	80.394.247.792
Hàng gửi đi bán	3.760.346.482	11.747.357.683
Tổng	443.307.332.053	643.987.407.146
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.310.234.162)	(3.457.731.775)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	439.997.097.891	640.529.675.371

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	12.995.196	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.174.737.816	1.829.573.443
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	9.004.489	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	2.039.764.957	45.602.191
Tổng	3.236.502.458	1.875.175.634

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	14.887.170.899	17.344.506.346
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.415.719.726	16.421.881.099
Tổng	21.302.890.625	33.766.387.445

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2014	631.754.732.481	153.421.701.825	129.903.425.134	3.917.552.677	2.745.825.293	921.743.237.410
Tăng trong năm	4.069.337.868	5.072.642.710	27.111.736.096	196.485.025	167.229.850	36.617.431.549
Mua trong năm	2.092.618.062	1.409.588.184	22.674.055.065	196.485.025	85.758.000	26.458.504.336
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.247.233.428	-	911.528.091	-	-	2.158.761.519
Phân loại lại	729.486.378	3.663.054.526	874.707.485	-	81.471.850	5.348.720.239
Tăng khác	-	-	2.651.445.455	-	-	2.651.445.455
Giảm trong năm	175.244.083.896	31.065.676.043	32.488.346.252	378.804.732	32.793.333	239.209.704.256
Thanh lý, nhượng bán	1.546.737.575	423.820.914	19.788.089.608	97.194.554	32.793.333	21.888.635.984
Giảm do thoái vốn tại công ty con	167.605.412.958	30.552.255.129	12.565.054.019	238.799.520	-	210.961.521.636
Giảm khác	6.091.933.353	89.600.000	135.202.625	42.810.658	-	6.359.546.636
Số dư tại 31/12/2014	460.579.986.453	127.428.668.492	124.526.814.978	3.735.232.970	2.880.261.810	719.150.964.703
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2014	265.668.380.097	102.965.695.930	74.649.697.915	2.943.641.993	1.381.504.794	447.608.920.729
Tăng trong năm	20.346.352.475	8.687.869.536	17.134.697.523	593.860.616	304.792.382	47.067.572.532
Khấu hao trong năm	20.281.139.000	8.687.869.536	17.134.697.523	243.433.420	304.792.382	46.651.931.861
Tăng khác	65.213.475	-	-	350.427.196	-	415.640.671
Giảm trong năm	79.866.453.238	23.494.733.843	24.080.803.058	647.207.032	32.793.333	128.121.990.504
Thanh lý, nhượng bán	874.962.845	423.820.914	15.401.200.324	428.182.840	32.793.333	17.160.960.256
Giảm do thoái vốn tại công ty con	78.927.788.393	23.037.591.929	8.070.192.710	187.091.716	-	110.222.664.748
Giảm khác	63.702.000	33.321.000	609.410.024	31.932.476	-	738.365.500
Số dư tại 31/12/2014	206.148.279.334	88.158.831.623	67.703.592.380	2.890.295.577	1.653.503.843	366.554.502.757
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2014	366.086.352.384	50.456.005.895	55.253.727.219	973.910.684	1.364.320.499	474.134.316.681
Tại 31/12/2014	254.431.707.119	39.269.836.869	56.823.222.598	844.937.393	1.226.757.967	352.596.461.946

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	92.432.293.891	3.623.600.000	470.572.509	38.892.286	96.565.358.686
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	37.427.374.988	-	39.472.500	-	37.466.847.488
Giảm do thoái vốn tại công ty con	37.427.374.988	-	39.472.500	-	37.466.847.488
Số dư tại 31/12/2014	<u>55.004.918.903</u>	<u>3.623.600.000</u>	<u>431.100.009</u>	<u>38.892.286</u>	<u>59.098.511.198</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	18.223.497.407	1.520.000.000	452.132.513	38.892.286	20.234.522.206
Tăng trong năm	1.390.453.236	140.238.154	9.320.004	-	1.540.011.394
Khấu hao trong năm	1.390.453.236	140.238.154	9.320.004	-	1.540.011.394
Giảm trong năm	8.016.344.699	-	39.472.500	-	8.055.817.199
Giảm do thoái vốn tại công ty con	8.016.344.699	-	39.472.500	-	8.055.817.199
Số dư tại 31/12/2014	<u>11.597.605.944</u>	<u>1.660.238.154</u>	<u>421.980.017</u>	<u>38.892.286</u>	<u>13.718.716.401</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	<u>74.208.796.484</u>	<u>2.103.600.000</u>	<u>18.439.996</u>	<u>-</u>	<u>76.330.836.480</u>
Tại 31/12/2014	<u>43.407.312.959</u>	<u>1.963.361.846</u>	<u>9.119.992</u>	<u>-</u>	<u>45.379.794.797</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự án Nhà máy SX lắp ráp Ô tô khách công suất 5000 xe/năm	-	21.639.803.597
Dự án nhà ở cán bộ CNV tại Việt Yên, Bắc Giang	10.468.705.203	10.468.705.203
Hệ thống thoát nước NM ô tô Đông Vàng	510.806.396	-
Mua sắm, nâng cấp thiết bị, TSCĐ	2.746.570.204	1.376.949.749
Nhà máy ô tô Trường Sơn	-	-
Sân tập lái sát hạch Bắc Sông Tiền	21.772.603.683	21.172.603.683
Dự án nâng cấp, mở rộng NM Lắp ráp Ô tô Ngô Gia Tự	8.425.160.797	5.703.075.567
Các công trình khác	3.061.867.074	2.118.148.928
Tổng	46.985.713.357	62.479.286.727

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tên Công ty	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Góp vốn liên doanh		151.464.639.770	-	74.284.654.008
Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình	-	47.655.444.348	-	44.520.528.409
Công ty TNHH Liên doanh với Hino Motors Việt Nam	-	103.809.195.422	-	29.764.125.599
Đầu tư vào công ty liên kết		211.541.416.294	-	233.284.627.826
Công ty CP Việt Nam Motors Cần Thơ	6.082.861	20.516.543.998	6.082.861	60.828.610.000
Công ty CP VT Ô tô Nam Định	-	-	513.230	5.132.300.000
Công ty CP Tư vấn ĐTXD & TMDV Hà Nội	-	-	20.082	200.822.100
Công ty CP Đầu tư CMC	382.500	4.846.618.004	382.500	2.550.000.000
Công ty CP Ô tô TMT	6.650.172	67.128.661.284	6.128.062	68.511.509.200
Công ty CP Vận tải Ô tô số 4	137.882	-	137.882	1.378.820.189
Công ty CP Trường An Sinh	213.345	1.827.030.486	213.345	2.133.453.000
Công ty CP Cao su Chất dẻo Đại Mỹ	249.100	2.626.362.708	249.100	3.161.159.596
Công ty CP Cơ khí 19/8	135.460	4.328.573.325	135.460	1.354.600.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vận tải	733.400	11.016.178.250	733.400	13.805.898.138
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8	643.326	7.902.296.625	472.166	7.529.559.543
Công ty CP Vận tải Ô tô số 1	784.080	9.172.689.030	784.080	9.074.172.454
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	480.000	6.633.931.497	480.000	4.800.000.000
Công ty CP Cơ khí 120	1.365.799	-	1.365.799	14.379.009.107
Công ty Cổ phần DV Motor	494.000	5.459.286.450	350.000	10.094.301.373
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Giao thông	1.145.000	35.986.654.355	1.496.000	23.883.385.087
Công ty CP Vận tải Ô tô số 5	424.500	4.926.590.282	424.500	4.467.028.039
Công ty TNHH 1 TV Ô tô 1 - 5	2.925.000	29.250.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác		54.138.024.152		53.657.970.171
Tổng		417.144.080.216		361.227.252.005

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MÀU B 09 - DN/HN****5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	4.462.092.064	10.568.469.056
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	4.702.412.344	5.208.825.979
Chi phí nhiên liệu của phương tiện vận tải	761.441.191	549.786.309
Tổng	9.925.945.599	16.327.081.344

Trong đó: (*) Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty với giá trị ban đầu là 5.208.825.979 đồng là giá trị lợi thế kinh doanh tính vào giá trị doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo Quyết định số 3161/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 10 năm 2013 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp, Quyết định số 4738/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty Mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam. Chi phí này được thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh không quá 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.882.581.822	15.811.312.756
Thuế xuất, nhập khẩu	165.708.466	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.657.593.193	6.332.997.420
Thuế thu nhập cá nhân	1.525.406.561	1.909.670.101
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	16.599.097.842	82.823.886.858
Các loại thuế khác	47.154.704	517.523.454
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.223.469.407	9.678.475
Tổng	28.101.011.995	107.405.069.064

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Lãi chậm nộp tiền thuê đất	6.651.573.000	6.651.573.000
Chi phí lãi vay phải trả	1.709.020.331	65.817.097.666
Chi phí phải trả của các đơn vị ngừng hoạt động	1.146.000.000	-
Chi phí khác	4.705.008.832	6.868.247.704
Tổng	14.211.602.163	79.336.918.370

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.14 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng và Công ty tài chính	207.968.146.189	457.726.202.521
- Ngân hàng NN & PTNT CN Hà Nội	24.618.049.678	-
Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Thủ Đức	7.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	13.567.986.969	9.999.208.353
- Ngân hàng LienViet Post Bank	5.492.287.173	2.992.226.425
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Huế	4.026.475.600	-
- Ngân hàng Techcombank CN Huế	778.817.949	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	-	41.706.002.745
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đông Anh	-	139.479.065.106
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh	-	35.326.417.502
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	-	22.626.126.597
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh	11.084.225.000	6.523.275.000
- Ngân hàng TMCP Đại Tín -HCM	23.000.000.000	23.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	900.000.000	200.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	75.026.529.168	73.470.545.509
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	38.763.774.652	35.031.571.943
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	-	12.992.434.778
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	-	4.379.328.563
- Ngân hàng BIDV	2.360.000.000	-
- Ngân hàng Liên Việt	1.350.000.000	-
- Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su VN	-	50.000.000.000
Vay cá nhân và các đối tượng khác	36.280.645.502	74.355.055.896
Nợ dài hạn đến hạn trả	234.400.000	780.000.000
Tổng	244.483.191.691	532.861.258.417

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	431.213.902	431.213.902
Kinh phí công đoàn	983.946.844	3.249.242.615
Bảo hiểm xã hội	3.102.674.971	12.283.301.708
Bảo hiểm y tế	160.398.233	262.062.440
Bảo hiểm thất nghiệp	147.413.296	256.694.857
Phải trả về cổ phần hóa	12.776.753.807	2.076.051.648
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.500.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	76.661.217.014	68.285.304.504
- <i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	-	5.500.000.000
- <i>Phải trả tiền ký quỹ</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
- <i>Phải trả của dự án Việt Yên, Bắc Giang</i>	11.294.000.000	11.294.000.000
- <i>Phải trả cho các đội thi công</i>	1.481.018.070	1.527.550.950
- <i>Phải trả lao động XKLD, quỹ hỗ trợ XKLD</i>	10.867.082.116	6.801.366.070
- <i>Phải trả liên quan đến dự án tại Công ty CP Vận tải số 6</i>	18.239.098.982	14.056.598.982
- <i>Phải trả các đơn vị ngừng sản xuất tại Công ty CP Vận tải số 6</i>	7.597.470.191	7.606.740.169
- <i>Nhận đền bù tại Công ty CP Vận tải số 6</i>	2.610.906.224	3.584.663.000
- <i>Các khoản khác</i>	23.071.641.431	16.414.385.333
Tổng	94.266.118.067	86.843.871.674

5.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.214.286.945	800.000.000
Tiền đặt cọc của người lao động	213.928.925	2.240.144.642
Tiền đặt cọc của cơ sở đào tạo	90.000.000	90.000.000
Nhận vốn góp liên doanh, liên kết	1.761.477.272	6.805.906.295
Thế chấp dài hạn của lái xe	3.041.681.901	2.723.726.521
Tiền hỗ trợ di dời trụ sở Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự - Bộ Tài chính	96.418.000.000	96.418.000.000
Vốn liên doanh - XN Vận tải & Dịch vụ tổng hợp	2.547.422.862	2.547.422.862
Phải trả các đơn vị ngừng sản xuất tại Công ty CP Vận tải số 6	15.155.656	15.155.656
Phải trả dài hạn khác	168.011.100	6.386.178.552
Tổng	102.469.964.661	118.026.534.528

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.17 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	1.389.600.000	3.080.190.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	656.000.000	656.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Vinh	600.000.000	536.900.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN	-	1.887.290.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thái Nguyên	133.600.000	-
Công ty Tài chính TNHH MTV Cao su VN	-	30.000.000.000
Công ty Vận tải Ô tô số 2 Lạng Sơn	-	11.000.000.000
Vay cá nhân và đối tượng khác	6.191.185.648	10.555.770.509
Tổng	7.580.785.648	54.635.960.509

27
Y
I
N
A

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU B 09 - DN/MN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư		Vốn khác của		Chênh lệch		Quỹ đầu tư		Quỹ dự phòng		Thuộc vốn		Lợi nhuận		Nguồn vốn		Quỹ hỗ trợ,				
	của chủ sở hữu		chủ sở hữu		lãi tài sản		phát triển		tài chính		chủ sở hữu		chưa phân phối		đầu tư XD CB		doanh nghiệp				
	cũ		mới		đánh giá		đầu tư		tái chính		khác		sau thuế		vốn		sắp xếp				
Số dư tại 01/01/2013	706.528.290,087	6.606.996,838	-	27.585.499,996	11.524.979,976	2.435.509,686	(184.847,350,249)	31.958.162,989	573.259,231,178	403.776,530,695	2.487,349,716	388,383,339	269,967,691,555	130,933,104,085	55.850,378,520	31.958,162,989	31.958,162,989	25,396,754,348	6,701,427,345	488,546,992	23,263,653,135
Tăng trong năm	9.795,977,489	-	198,921,479,506	1.371,072,847	780,571,217	-	192,571,723,984	335,705,652	403,776,530,695	2,487,349,716	388,383,339	269,967,691,555	130,933,104,085	55,850,378,520	31,958,162,989	31,958,162,989	31,958,162,989	25,396,754,348	6,701,427,345	488,546,992	23,263,653,135
Tăng khác	388,385,339	-	198,921,479,506	1,371,072,847	780,571,217	-	-	-	-	-	388,383,339	269,967,691,555	130,933,104,085	55,850,378,520	31,958,162,989	31,958,162,989	31,958,162,989	25,396,754,348	6,701,427,345	488,546,992	23,263,653,135
Tăng do thoái vốn	9,437,592,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	716,229,840,869	163,350,007,763	198,921,479,506	13,971,167,135	4,838,316,175	2,428,153,416	(15,539,279,400)	335,705,652	921,185,383,353	921,185,383,353	335,705,652	921,185,383,353	325,239,640,541	20,216,004,000	6,493,203,966	143,114,007,763	155,416,424,232	155,416,424,232	155,416,424,232	155,416,424,232	155,416,424,232
Số dư tại 01/01/2014	716,229,840,869	163,350,007,763	198,921,479,506	13,971,167,135	4,838,316,175	2,428,153,416	(15,539,279,400)	335,705,652	921,185,383,353	921,185,383,353	335,705,652	921,185,383,353	325,239,640,541	20,216,004,000	6,493,203,966	143,114,007,763	155,416,424,232	155,416,424,232	155,416,424,232	155,416,424,232	155,416,424,232
Tăng vốn (*)	20,216,000,000	-	-	6,131,080,440	362,128,526	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do phân phối	-	-	-	6,131,080,440	362,128,526	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do chênh lệch	143,114,007,763	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	3,531,618,632	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560
Giảm vốn (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	3,531,618,632	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	198,921,479,506	7,582,219,560	7,582,219,560	7,582,219,560
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	876,028,230,000	12,520,028,015	5,200,444,701	2,428,153,416	115,094,826,543	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	876,028,230,000	12,520,028,015	5,200,444,701	2,428,153,416	115,094,826,543	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(*) : Tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu: theo quyết định số 1447/QĐ - BGT/VT ngày 22/4/2014 của Bộ Tài chính và Bộ GTVT về việc điều chỉnh phân bổ vốn của Công ty Cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam. Theo đó, điều chỉnh cơ cấu vốn của Nhà nước và vốn cổ phần do cổ đông khác nắm giữ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước	855.812.230.000	716.229.840.869
Vốn góp của đối tượng khác	20.216.000.000	-
Tổng	876.028.230.000	716.229.840.869

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	1.453.780.253.994	1.102.653.101.988
Doanh thu cung cấp dịch vụ	179.968.236.882	162.348.775.591
Doanh thu hợp đồng xây dựng	76.156.759.213	28.158.993.416
Tổng	1.709.905.250.089	1.293.160.870.995
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	353.800.000	4.063.636.363
Giảm giá hàng bán	1.528.057.311	1.718.713.199
Hàng bán bị trả lại	6.818.848.250	8.401.221.692
Tổng	8.700.705.561	14.183.571.254
Doanh thu thuần	1.701.204.544.528	1.278.977.299.741

5.20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.326.353.883.639	1.076.521.047.823
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	129.159.235.763	33.119.216.134
Giá vốn hoạt động xây dựng	72.319.192.808	20.263.561.123
Tổng	1.527.832.312.210	1.129.903.825.080

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.309.863.871	7.070.311.731
Lãi thanh lý, đánh giá các khoản đầu tư	76.894.020.942	43.260.082.750
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.296.910.442	5.514.637.465
Lãi từ chuyển nhượng đầu tư vốn tại Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	-	52.935.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	89.938.659	697.896.065
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.468.513	86.155.332
Doanh thu từ xóa nợ lãi vay ngân hàng	-	17.443.738.710
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.245.369.519	9.971.303.229
Tổng	124.842.571.946	136.979.125.282

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.22 Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	18.798.283.875	85.313.079.973
Lỗ do thanh lý, đánh giá các khoản đầu tư	86.035.038.435	42.129.052.762
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.491.929.320	132.992.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	45.402.916
Chi phí hoạt động tài chính khác	440.158.313	4.620.305.774
Tổng	106.765.409.943	132.240.833.943

5.23 Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập thanh lý tài sản, BĐS đầu tư	5.041.281.326	7.206.570.900
Thu từ thanh lý vật tư	-	3.364.060.000
Thu khoán Tổ bảo vệ, Xưởng sửa chữa	621.073.081	2.210.366.644
Thu nhập do miễn thuế đất các năm trước	20.072.611.167	-
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	-	7.489.797.360
Thu bồi thường, hỗ trợ đền bù	3.584.663.000	14.042.226.717
Thu bán phế liệu	-	394.799.455
Thu nhập khác	6.284.335.363	19.641.322.971
Tổng	35.603.963.937	54.349.144.047

5.24 Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	4.727.675.728	13.856.968.031
Truy thu thuế, phạt thuế, tiền thuê đất	2.362.738.011	3.573.878.920
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	-	2.240.691.408
Hoàn chứng từ chi phí từ những năm trước	571.633.229	1.885.103.304
Chi phí khác	4.676.463.827	10.456.973.282
Tổng	12.338.510.795	32.013.614.945

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	172.195.418.168	(8.864.489.527)
Điều chỉnh tăng chi phí không được khấu trừ	3.098.319.845	68.678.201.329
Điều chỉnh giảm	143.858.936.855	35.125.105.066
Lợi nhuận chịu thuế	31.434.801.158	24.688.606.736
Thuế suất áp dụng	22%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	6.915.656.255	6.172.151.684

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN****5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.036.207.471.842
Chi phí nhân công	136.296.828.842
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.345.605.389
Chi phí dự phòng	1.587.389.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.539.091.847
Chi phí khác bằng tiền	96.634.504.660
Tổng	<u>1.424.610.891.863</u>

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 và số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.709.491.764	59.533.778.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	295.618.132.921	292.834.395.187
Đầu tư ngắn hạn	9.044.043.227	83.837.030.444
Đầu tư dài hạn	54.138.024.152	53.657.970.171
Tổng	<u>475.509.692.064</u>	<u>489.863.174.732</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	252.063.977.339	587.497.218.926
Phải trả người bán và phải trả khác	357.458.119.909	326.934.679.462
Chi phí phải trả	14.211.602.163	79.336.918.370
Tổng	<u>623.733.699.411</u>	<u>993.768.816.758</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	244.483.191.691	7.580.785.648	252.063.977.339
Phải trả người bán và phải trả khác	247.988.155.248	109.469.964.661	357.458.119.909
Chi phí phải trả	14.211.602.163	-	14.211.602.163
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	532.861.258.417	54.635.960.509	587.497.218.926
Phải trả người bán và phải trả khác	203.408.144.954	118.526.534.528	326.934.679.462
Chi phí phải trả	79.336.918.370	-	79.336.918.370

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	116.709.491.764	-	116.709.491.764
Phải thu khách hàng và phải thu khác	295.559.209.383	58.923.538	295.618.132.921
Đầu tư ngắn hạn	9.044.043.227	-	9.044.043.227
Đầu tư dài hạn	-	54.138.024.152	54.138.024.152
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.533.778.930	-	59.533.778.930
Phải thu khách hàng và phải thu khác	292.834.395.187	-	292.834.395.187
Đầu tư ngắn hạn	83.837.030.444	-	83.837.030.444
Đầu tư dài hạn	-	53.657.970.171	53.657.970.171

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Người lập

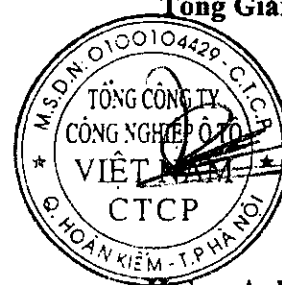

Nguyễn Liên Hoa

Kế toán trưởng


Trần Hữu Hưng

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Tổng Giám đốc

**Hoàng Anh Tuấn**